

Bản án số: 96/2025/DS-ST

Ngày: 30/6/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2/- Bà Nguyễn Thị Xuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thủy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương– Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 855/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 187/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 291/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T

Trụ sở: Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ Quang Trung, Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Ái P, ông Dụng Nhật Kvà bà Phan Thị Mỹ U, là người đại diện hợp pháp theo Văn bản ủy quyền số 14239.4/2025/UQN- - PUN -RCC ngày 14/4/2025. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Trần Văn Đang, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng sau đây gọi tắt là VPBank) có bà Phan Thị Mỹ Uyên đại diện trình bày:

Ngân hàng TMCP T và ông Nguyễn Ngọc H có ký các hợp đồng tín dụng vay vốn với nội dung như sau:

1. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2308300139331 (136-P-1634703) ký ngày 30/08/2023 cụ thể như sau:

Hạn mức thẻ tín dụng: 80,000,000 đồng; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống; Lãi suất: 39,48%/năm

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 102.851.663 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Huy đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 26,472,991 đồng, trong đó thanh toán 22,868,215 đồng cho gốc và 3,604,776 đồng cho lãi. (Chi tiết thể hiện trong bảng kê tính lãi đính kèm)

Dư nợ thực tế tạm tính đến ngày 14/4/2025 theo hợp đồng cho vay trên là: nợ gốc: 79.983.448 đồng; nợ lãi: 65.059.398 đồng; Tổng cộng: 145.042.846 đồng

2. Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2308290126612 giải ngân ngày 30/08/2023 cụ thể như sau:

Số tiền vay: 220,000,000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu đồng*); Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống; Lãi suất: 20%/năm

Kể từ ngày được giải ngân đến nay, ông H đã thanh toán cho T tổng số tiền là 13,395,945 đồng, trong đó thanh toán 7,820,591 đồng cho gốc và 5,575,354 đồng cho lãi.

Dư nợ thực tế tạm tính đến ngày 14/4/2025 ông Nguyễn Ngọc H còn nợ T số tiền là: Tổng cộng: 305.083.651 đồng, trong đó nợ gốc: 212.179.409 đồng; lãi trong hạn: 26.667.641 đồng; lãi quá hạn: 66.236.601 đồng.

Do ông Nguyễn Ngọc H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi vay cho T. Mặc dù T đã tạo điều kiện về thời gian cho khách hàng trả nợ nhưng phía khách hàng vẫn không có phương án trả nợ cho T, ngày 07/04/2024 T đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với các hợp đồng cho vay trên.

Xét thấy bên vay không còn khả năng thanh toán nợ, do đó T đã tiến hành khởi kiện đương sự tại Tòa án buộc ông Nguyễn Ngọc H phải trả ngay một lần, toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho T tạm tính đến ngày 14/4/2025 tổng cộng là: 450.126.497 đồng, Trong đó: Tổng nợ gốc là: 292,162,857 đồng, tổng nợ lãi: 157.162.857 đồng.

Ngoài ra, ông Nguyễn Ngọc H còn phải chịu lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận của Hợp đồng nêu trên từ ngày 15/4/2025 cho đến khi trả hết số nợ vay cho T.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của pháp luật, nhưng vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông T

Tại phiên tòa hôm nay:

- *Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có* bà Phan Thị Mỹ U có đơn xin vắng mặt và tại bản tự khai đề ngày 30/6/2025 bà U xác định Ngân hàng Thương mại Cổ phần T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể

Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Ngọc H phải trả ngay một lần, toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho T tạm tính đến ngày 30/06/2025 tổng cộng là: 470,401,820 đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu bốn trăm linh một nghìn tám trăm hai mươi đồng*). Trong đó: Tổng nợ gốc là: 292,162,857 đồng, tổng nợ lãi: 178,238,963 đồng. Ngoài ra, ông Nguyễn Ngọc H còn phải chịu lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận của Hợp đồng nêu trên từ ngày 01/07/2025 cho đến khi trả hết số nợ vay cho T.

- Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H vắng mặt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân Quận 3 trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T Là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Ngọc H phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền Về thẩm quyền: Theo kết quả xác minh của Công an Phường 1, Quận 3 trả lời Phiếu yêu cầu xác minh ngày 10/12/2024 của Tòa án nhân dân Quận 3 thể hiện: “*Ông Nguyễn Ngọc H SN 1984 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số Trần Văn Đang, Phường 9, Quận 3 nhưng không thực tế cư trú tại địa chỉ trên từ ngày 23/12/2024 cho đến nay, đi đâu không rõ...*”.

Căn cứ kết quả xác minh trên cho thấy sau khi ký kết hợp đồng, bị đơn ông Nguyễn Ngọc H đã thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho Nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đây được xem là trường hợp cố tình che giấu địa chỉ, được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, nơi cư trú tại Quận 3 của ông H được xem là nơi cư trú cuối cùng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[2.1]. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có bà Trần Thị Ái P, ông Dung Nhật K và bà Phan Thị Mỹ U là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt các ông bà nêu trên.

[2.2]. Bị đơn Nguyên ông Nguyễn Ngọc H đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt ông Huy.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người đại diện VPBank trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Ông Nguyễn Ngọc Huy có ký hợp đồng và vay tiền của T theo các Hợp sau:

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2308300139331 (136-P-1634703) ký ngày 30/08/2023 với Hạn mức thẻ tín dụng: 80,000,000 đồng; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống; Lãi suất: 39,48%/năm và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2308290126612 giải ngân ngày 30/08/2023. Số tiền vay: 220,000,000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu đồng*; Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống; Lãi suất: 20%/năm.

Thực hiện hợp đồng T đã cấp thẻ tín dụng và giải ngân số tiền vay cho ông H và ông H cũng đã trả cho T cụ thể:

Đối với hợp đồng thẻ tín dụng: Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 102.851.663 đồng và trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 26,472,991 đồng, trong đó nợ gốc là 22,868,215 đồng và nợ lãi là 3,604,776 đồng.

Đối với hợp đồng vay không tài sản bảo đảm thì kể từ ngày được giải ngân đến nay, ông H đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 13,395,945 đồng, trong đó gốc 7,820,591 đồng và lãi 5,575,354 đồng.

Tạm tính đến ngày 30/6/2025 ông Nguyễn Ngọc H còn nợ T tổng số tiền của hai hợp đồng là 313,272,346 đồng, trong đó: Nợ gốc: 212,179,409 đồng; Nợ lãi trong hạn 21,105,534 đồng và lãi quá hạn 79,987,403 đồng. Từ ngày 07/04/2024 T đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với các hợp đồng cho vay trên.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”

Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015: “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận...: “...2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...”*”.

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng..2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Xét Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía ông H vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho T là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong các hợp đồng. Do đó việc T khởi kiện yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ trả ông số tiền của hai hợp đồng là 313,272,346 đồng, trong đó: Nợ gốc: 212,179,409 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của T được chấp nhận nên ông Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.816.073 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Khoản 1 Điều 466: Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

Buộc ông Nguyễn Ngọc H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền tạm tính đến ngày 30/6/2025 là 470,401,820 đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu bốn trăm linh một nghìn tám trăm hai mươi đồng*), trong đó: Nợ gốc: 212,179,409 đồng; Nợ lãi trong hạn 21,105,534 đồng và lãi quá hạn 79,987,403 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2308300139331 (136-P-1634703) ký ngày 30/08/2023 và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2308290126612 giải ngân ngày 30/08/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Việc thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.816.073 (Hai mươi hai triệu, tám trăm mười sáu ngàn, không trăm bảy mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền án phí đã tạm nộp là 9.681.639 đồng đồng (Chín triệu, sáu trăm tám mươi một ngàn, sáu trăm ba mươi chín đồng). theo biên lai thu số 0059228 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Hằng

Nguyễn Thị Xuyến

Phan Thị Hoa

